

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/ 7 /2023

"V/v Ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Hải Yến và bà Trần Thị Bích Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Ông Trương Công Khanh
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (số 60 Nguyễn Huệ, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 729/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022; về việc: "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 109/TB-TA ngày 15 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, thành phố H, tỉnh T - có mặt.

2.Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1992. Nơi thường trú: 252 T, phường T, thành phố H, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: Cụm 1, Thôn M, xã P, thành phố H, tỉnh T - vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố H, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T (nay là phường T), thành phố H, tỉnh T vào ngày 21/3/2020. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì lẫn nhau nữa. Nay chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình

cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị Trần Thị T xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2023, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoà thống nhất về quá trình đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn như phần trình bày của chị T. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh Hoà cũng thừa nhận vợ xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Trần Thị T xin ly hôn anh Hoà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Hoà cũng xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn Hòa xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của mình, anh Hòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Lê Văn H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc chị Thùy phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:*

Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố H yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Lê Văn H có địa chỉ tại thành phố H, tỉnh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là anh Lê Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Lê Văn H là hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2021 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm gì nhau nữa. Chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H. Tại bản tự khai, anh Hoà cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh Hoà cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thùy và anh Hòa đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Hoà là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H cùng xác nhận vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh Hoà xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 53; 54; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Văn H.

[2]. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H xác nhận chị T và anh Hoà không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai số AA/2021/0004622 ngày 21/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

[5]. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát NDTP H;
- Tòa án ND tỉnh T;
- Chi cục THADSTP H;
- UBND phường T;
- Số ĐKKH 12 ngày 21/3/2020;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương Dung